TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** ————————	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ————————
Số: 4419/2022/QĐST-DS	*Thành phố Thủ Đức, ngày 08 tháng C năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 2C và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng C năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 11 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 370/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2022,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Giáp Văn K, sinh năm 1980;
Địa chỉ: Số A, Khu phố B, Tổ C, đường D, phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Mai Thị T, sinh năm 1965;
Địa chỉ: Số G Đường số H, Khu phố I, phường J, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;
Người đại diện theo ủy quyền: Phan Thu T, sinh năm 1996;
Địa chỉ: 94 K, phường L, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh;
Giấy ủy quyền ngày 01/11/2022.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Ông Giáp Văn K và Bà Mai Thị T thống nhất hủy hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất (nhà) và tài sản gắn liền với đất (nhà) ngày 11/3/2021.

2.2 Bà T có trách nhiệm trả lại cho ông K số tiền là 100.000.000đồng. Hạn chót thanh toán vào ngày 24/02/2023.

Kể từ ngày ông K có đơn yêu cầu thi hành án mà bà T chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ việc thanh toán theo quy định thì hàng tháng bà T còn chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.3 Về chi phí đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ: Ông K tự nguyện chịu.

2.4 Về án phí dân sự sơ thẩm: 2.500.000đồng (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng, bà T phải chịu.

Hoàn trả cho ông K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0054505 ngày 26 tháng 4 năm 2021và số tiền 1.500.000đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004992 ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Bà T chưa nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

LươngThị Thu